

Số: /SCT-QLTM

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

V/v phối hợp góp ý dự thảo Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các chương trình trợ cấp bị điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
 - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng;
 - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng;
 - Chi Cục Hải Quan Sóc Trăng,
- tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại Công văn số 2692/UBND-NV ngày 22/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu tham mưu thực hiện đề nghị của Bộ Công Thương lấy ý kiến dự thảo Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các chương trình trợ cấp bị điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam (Công văn số 6192/BCT-PVTM ngày 20/8/2024 của Bộ Công Thương);

Sở Công Thương đề nghị quý đơn vị phối hợp nghiên cứu, có ý kiến đối với dự thảo Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các chương trình trợ cấp bị điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Văn bản góp ý vui lòng gửi về Sở Công Thương **chậm nhất sáng ngày 26/8/2024** để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Công văn số 2692/UBND-NV ngày 22/8/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng; Công văn 6192/BCT-PVTM ngày 20/8/2024 của Bộ Công Thương, dự thảo báo cáo tướng Chính phủ về các chương trình trợ cấp bị điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương tại địa chỉ <https://socongthuong.soctrang.gov.vn> (Mục Quản lý Thương mại)).

Sở Công Thương rất mong nhận được sự phối hợp của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTTĐT Sở;
- Lưu: VT, QLTM.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hứa Trường Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2692 /UBND-NV

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 8 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Báo cáo
Thủ tướng Chính phủ về các
chương trình trợ cấp bị điều
tra đối với hàng xuất khẩu
của Việt Nam

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện Công văn số 6192/BCT-PVTM ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ Công Thương về việc lấy ý kiến dự thảo Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các chương trình trợ cấp bị điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam và một số kiến nghị,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng có ý kiến như sau:

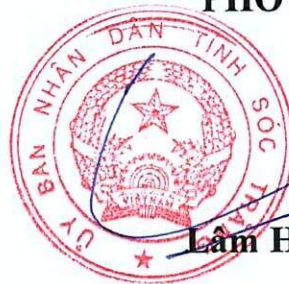
Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu thực hiện đề nghị nêu trên của Bộ Công Thương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất ngày 26/8/2024.

(Kèm theo Công văn số 6192/BCT-PVTM ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ Công Thương)./. *Th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT. *VT*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



realizep
Lâm Hoàng Nghiệp

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan Bộ Công Thương
Thời gia ký: 20/08/2024 15
HÀ NỘI VIỆT NAM

Số: 6192/BCT-PVTM

V/v lấy ý kiến dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các chương trình trợ cấp bị điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam và một số kiến nghị

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, Bộ Công Thương có công văn số 4731/BCT-PVTM về Quy định phòng vệ thương mại (PVTM) mới của Hoa Kỳ và những tác động dự kiến đối với Việt Nam.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 2916/VPCP-QHQT thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang trong đó có ý kiến: “Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông tin cho các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương liên quan trước ngày 25 tháng 7 năm 2024 về các quy định, chính sách hiện hành có thể bị cáo buộc là trợ cấp”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo Báo cáo về các chương trình trợ cấp bị điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Do trong dự thảo Báo cáo đưa ra một số kiến nghị phân công nhiệm vụ cho các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên quan, nhằm đảm bảo phân công đúng chức năng, nhiệm vụ của các bên và hoàn thiện nội dung dự thảo, Bộ Công Thương trân trọng đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu dự thảo, cho ý kiến và gửi về Bộ Công Thương **chậm nhất ngày 28 tháng 8 năm 2024** để kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân;
- Thứ trưởng Phan Thị Thắng;
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Long;
- Các Cục: XTTM, ĐTDL, DL, CN, XNK, CTDP (để góp ý);
- Các Vụ: PC, AM, AP, ĐB (để góp ý);
- Lưu: VT, PVTM.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Số: /BCT-PVTM

V/v báo cáo về các chương trình trợ cấp bị
điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt
Nam và một số kiến nghị

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2024

DỰ THẢO

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Liên quan đến các vụ việc điều tra chống trợ cấp (CTC) của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian gần đây, Bộ Công Thương kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ một số nội dung như sau:

1. Tổng quan các vụ việc điều tra chống trợ cấp của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian gần đây

1.1. Thống kê

Trong những năm gần đây, số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại (PVTM) của nước ngoài đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng. Nếu giai đoạn 2001-2011 có 50 vụ thì giai đoạn từ năm 2012 đến 06 tháng đầu năm 2024 có 202 vụ (tăng gần 4 lần). Tính đến hiện tại, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của 254 vụ việc điều tra PVTM từ 24 thị trường, trong đó số vụ điều tra bán phá giá (CBPG) là 138 vụ, trợ cấp là 27 vụ, tự vệ là 52 vụ và chống ảnh hưởng bất lợi của biện pháp PVTM là 37 vụ.

Đặc biệt, trong thời gian gần đây, số lượng các vụ việc điều tra CTC đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam tăng lên đáng kể. Chỉ trong 05 năm từ 2020 đến 2024, số lượng các vụ việc điều tra CTC là 10 vụ, chiếm 37% tổng số các vụ việc CTC từ trước đến nay. Các nước thường điều tra CTC đối với Việt Nam bao gồm Hoa Kỳ (11 vụ), Ấn Độ (05 vụ), Úc (05 vụ), Canada (05 vụ), EU (01 vụ).

1.2. Xu hướng điều tra CTC

- *Tính chất các vụ việc CTC của nước ngoài ngày càng phức tạp, bao gồm nhiều nội dung mới chưa từng có tiền lệ.* Năm 2020, lần đầu tiên Hoa Kỳ điều tra vấn đề định giá thấp tiền tệ trong khuôn khổ vụ việc điều tra CTC đối với lốp xe, Ấn Độ tự khởi xướng điều tra CTC đối với ống đồng hay tháng 5 năm 2024, lần đầu tiên Hoa Kỳ điều tra trợ cấp xuyên quốc gia trong vụ việc CTC đối với pin mặt trời từ Việt Nam.

- *Phạm vi sản phẩm bị điều tra ngày càng đa dạng:* tập trung ở cả các sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu cao như pin mặt trời (4,2 tỷ USD), tôm (800 triệu USD) đến các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu thấp hơn như túi dệt (60 triệu USD) đĩa giấy (09 triệu USD)...

- *Thủ tục điều tra CTC ngày càng khắt khe và phức tạp hơn.* Các vụ việc điều tra yêu cầu cao hơn đối với Chính phủ, doanh nghiệp bị điều tra như về thời hạn trả

lời, yêu cầu cung cấp thông tin nhiều lần trong một vụ việc, bổ sung thông tin lớn và mở rộng ra nhiều lĩnh vực, chặt chẽ hơn về thời gian gia hạn.

- *Vấn đề nền kinh tế phi thị trường*: Mức thuế CTC thường bị đẩy lên do Hoa Kỳ và một số nước chưa công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường (KTTT) dẫn tới việc Cơ quan điều tra nước ngoài có thể sử dụng giá nước ngoài làm ngưỡng chuẩn (benchmark) để so sánh với giá Việt Nam (ví dụ dùng giá thuê đất tại Ấn Độ để so sánh với giá thuê đất tại Việt Nam), làm tăng biên độ trợ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam.

2. Một số vụ việc CTC đáng lưu ý trong thời gian gần đây

2.1. Vụ việc lốp xe năm 2020

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo khởi xướng điều tra CTC với sản phẩm lốp xe ô tô nhập khẩu từ Việt Nam, Hàn Quốc, Đài Loan-Trung Quốc, Thái Lan.

DOC điều tra khoảng 20 chương trình, chính sách của Chính phủ. Đáng lưu ý, **đây là vụ việc đầu tiên Hoa Kỳ điều tra chính sách “định giá thấp tiền tệ”** vì cho rằng chương trình tạo ra lợi thế xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Việc đưa cáo buộc định giá thấp tiền tệ vào các cuộc điều tra CTC là quy định mới của Hoa Kỳ nhằm thực hiện chủ trương bảo hộ thương mại, với trọng tâm được cho là nhằm vào Trung Quốc. Tuy nhiên, Việt Nam lại là nước đầu tiên bị Hoa Kỳ chính thức điều tra theo cáo buộc này.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, DOC ban hành kết luận cuối cùng của vụ việc với mức thuế CTC đối với 02 công ty bị đơn bắt buộc của Việt Nam là 7,89% và 6,23% còn các doanh nghiệp khác ở mức 6,46%. Trong đó, mức trợ cấp do định giá thấp tiền tệ với hai công ty bị đơn trên là 1,69% và 1,16%. Tuy nhiên, sau đó ngày 16 tháng 4 năm 2021, trong Báo cáo về Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại chính của Hoa Kỳ, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đánh giá không đủ căn cứ để xác định Việt Nam thao túng tiền tệ, từ đó không áp thuế CTC cho chương trình này trong năm 2021. Cho đến nay, DOC đã tiến hành 02 đợt rà soát hành chính đối với sản phẩm này, trong đó các doanh nghiệp hợp tác đều nhận được kết quả khá tích cực.

2.2 Vụ việc ống đồng 2020

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, Tổng vụ Phòng vệ thương mại (DGTR) – Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ đã thông báo tự khởi xướng điều tra CTC đối với ống đồng nhập khẩu từ Malaysia, Thái Lan và Việt Nam.

Việt Nam bị điều tra 13 chương trình, đáng lưu ý gồm nhóm chương trình cung cấp hàng hóa, dịch vụ khí thiên nhiên, điện, than nhiên liệu thấp hơn giá thông thường.

Ngày 31 tháng 01 năm 2022, DGTR công bố kết luận cuối cùng của vụ việc với biên độ trợ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam từ 2,13% tới 14,76%.

2.3. Vụ việc tôm nước ấm 2023

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo khởi xướng điều tra CTC với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam.

Trong vụ việc này, DOC đã điều tra 40 chương trình/chính sách của Chính phủ Việt Nam. Đáng lưu ý, DOC điều tra một loạt các chương trình thuộc Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình Phát triển ngành thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.

Ngày 05 và 23 tháng 02 năm 2024, DOC tiếp tục tiến hành điều tra thêm một số chương trình mới, dựa trên đề nghị của Nguyên đơn Hoa Kỳ, đáng chú ý có: cung cấp các dịch vụ điện, nước, xử lý nước/chất thải, viễn thông và cung cấp tôn bố mẹ, tôm giống và thức ăn nuôi tôm thấp hơn giá trị thông thường. Điều này khiến số lượng các chương trình bị điều tra trong vụ việc này (gần 50 chương trình) lớn nhất từ trước đến nay đối với Việt Nam. Đây cũng là một trong những vụ việc **có diễn biến phức tạp nhất** do DOC liên tục khởi xướng thêm các chương trình mới theo cáo buộc của Nguyên đơn, gửi thêm các Bản câu hỏi bổ sung... Tổng số lên tới 07 bản câu hỏi.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, DOC đã ban hành Kết luận sơ bộ của vụ việc với mức thuế cho doanh nghiệp bị đơn duy nhất trong vụ việc là 2,84%, công ty bị đơn còn lại không tham gia vụ việc nhận mức 196,41%; các công ty còn lại nhận thuế suất 2,84%. DOC sơ bộ xác định công bị đơn bắt buộc nhận được 04 chương trình. Tuy nhiên, DOC tạm thời chưa đưa ra kết luận với 12 chương trình khác.

2.4. Vụ việc pin năng lượng mặt trời năm 2024

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, DOC đã khởi xướng điều tra (CBPG) và CTC với pin năng lượng mặt trời nhập khẩu từ Thái Lan, Malaysia, Campuchia và Việt Nam.

DOC tiến hành điều tra tổng số 31/32 chương trình trợ cấp bị cáo buộc đối với Việt Nam. Đáng lưu ý, đây là **lần đầu tiên Hoa Kỳ điều tra chương trình trợ cấp xuyên quốc gia**, sau khi Quy định mới về PVTM của Hoa Kỳ có hiệu lực vào ngày 24 tháng 4 năm 2024. Cụ thể, DOC điều tra 02 chương trình *Cho vay ưu đãi* và *Cung cấp nguyên liệu đầu vào (polysilicon) thấp hơn giá thông thường* từ Chính phủ Trung Quốc cho các doanh nghiệp pin mặt trời. Việc xử lý sẽ yêu cầu sự phối hợp, cung cấp thông tin của không chỉ các doanh nghiệp FDI Trung Quốc tại Việt Nam mà còn phía Chính phủ Trung Quốc.

DOC đã lựa chọn 02 doanh nghiệp làm bị đơn bắt buộc, đều có trụ sở tại tỉnh Bắc Giang. Hiện nay, Bộ Công Thương đang phối hợp với các Bộ, ngành cơ quan liên quan của Việt Nam, cơ quan liên quan của Chính phủ Trung Quốc, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam và 02 doanh nghiệp bị đơn nêu trên xử lý vụ việc.

3. Các chương trình trợ cấp thường bị cáo buộc và điều tra

3.1. Cơ sở xác định chương trình trợ cấp

Theo quy định của Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM của WTO), để một chương trình bị coi là trợ cấp có thể đối kháng (sau đây gọi là trợ cấp), cần thỏa mãn 03 yếu tố sau:

(1) Có sự “đóng góp tài chính” của Chính phủ hoặc các cơ quan/tổ chức công bao gồm (nhưng không giới hạn ở) các hình thức sau:

- (i) Cấp vốn trực tiếp (ví dụ: tài trợ, cho vay, góp vốn);
- (ii) Miễn hoặc bỏ qua những khoản phải thu (ví dụ: miễn/giảm thuế);
- (iii) Mua hoặc cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hoá (trừ cơ sở hạ tầng chung);
- (iv) Chính phủ thực hiện thanh toán hoặc ủy thác hoặc chỉ đạo một tổ chức tư nhân thực hiện một hoặc nhiều loại chức năng từ (i) đến (iii) nêu trên.

(2) Có mang lại lợi ích cho đối tượng được nhận (doanh nghiệp)

Lợi ích mà doanh nghiệp nhận được từ khoản hỗ trợ của Chính phủ được xác định là mức chênh lệch giữa chi phí doanh nghiệp phải trả được trong điều kiện thương mại bình thường (không có chương trình trợ cấp) và chi phí phải trả trong điều kiện có trợ cấp. Ví dụ, lợi ích là phần chênh lệch giữa lãi suất ưu đãi mà doanh nghiệp nhận được từ chương trình cho vay ưu đãi so với lãi suất thông thường trên thị trường.

(3) Mang tính riêng biệt

Một chương trình hỗ trợ của Chính phủ nước xuất khẩu sẽ không bị khiếu kiện là trợ cấp nếu được áp dụng chung cho tất cả các đối tượng đáp ứng đủ các điều kiện mà Chính phủ nước xuất khẩu đưa ra. Chính vì vậy, tính “riêng biệt” là một trong những tiêu chí quan trọng để xác định trợ cấp.

Một khoản trợ cấp được xem là riêng biệt nếu chỉ dành cho (và mang lại lợi ích) cho chỉ một doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp thuộc ngành sản xuất nhất định hoặc khu vực địa lý nhất định. Ngoài ra, *nếu chương trình về mặt quy định không mang tính riêng biệt, nhưng khi thực thi chỉ giới hạn cho một số doanh nghiệp nhất định, cũng mang tính riêng biệt.*

Trên thực tế, cách thức xác định việc “mang tính riêng biệt” hay không phụ thuộc khá nhiều vào quyền tự quyết của Cơ quan điều tra nước ngoài. Ví dụ, chương trình định giá thấp tiền tệ bị DOC coi là mang tính riêng biệt do mang lại lợi ích cho nhóm các công ty có hoạt động g ngoại thương (phạm vi rất rộng).

3.2. Các chương trình thường bị kết luận là trợ cấp

Các chương trình/chính sách của Việt Nam thường bị nước ngoài cáo buộc/điều tra và bị kết luận là trợ cấp thường nằm trong các nhóm sau đây (**Bảng chi tiết các chương trình cụ thể và căn cứ pháp lý liên quan, xem tại Phụ lục đính kèm**):

(1) Nhóm các chương trình cho vay và đảm bảo: Cơ quan điều tra nước ngoài cho rằng Chính phủ Việt Nam đã trợ cấp cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu thông qua:

- Các chương trình/chính sách ưu đãi lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tín dụng xuất khẩu và tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) và:

- Các chương trình cho vay ưu đãi, bảo lãnh, bao thanh toán xuất khẩu với lãi suất và điều khoản ưu đãi của 04 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước (Agribank, Vietinbank, Vietcombank và BIDV) do các ngân hàng này chịu sự can thiệp của Chính phủ. *Trên thực tế, mặc dù 04 ngân hàng này không có chương trình cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp bị điều tra, nhưng các khoản vay từ các ngân hàng này đều bị coi là trợ cấp.*

(2) Nhóm các chương trình ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: gồm các chương trình ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập cho các doanh nghiệp nằm trong khu vực đặc biệt (như khu công nghiệp, khu kinh tế), các doanh nghiệp xuất khẩu/chế xuất, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDIs), các dự án đầu tư mới và cho các doanh nghiệp thuộc một số ngành nghề ưu đãi đầu tư.

Các chương trình trên được thực hiện bởi các cơ quan Chính phủ (Bộ Tài chính, Cục Thuế địa phương), mang lại lợi ích về thuế cho một nhóm các doanh nghiệp cụ thể nên thỏa mãn các tiêu chí bị coi là trợ cấp.

(3) Nhóm các chương trình miễn các khoản phải thu: chương trình miễn/hoàn thuế nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu; chương trình miễn thuế nhập khẩu đối với FDIs và doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất; miễn giảm thuế nhập khẩu cho máy móc nhập khẩu để tạo tài sản cố định.

Các chương trình trên được thực hiện bởi các cơ quan Chính phủ (Bộ Tài chính, Cục/Chi cục Hải quan) mang lại lợi ích về thuế nhập khẩu cho một nhóm các doanh nghiệp cụ thể nên thỏa mãn các tiêu chí bị coi là trợ cấp.

(4) Nhóm các chương trình ưu đãi về đất: gồm các chương trình miễn giảm tiền thuê đất và thuế sử dụng mặt nước cho các ngành được khuyến khích, cho FDIs, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp trong khu vực đặc biệt (khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao...).

Các chương trình trên được thực hiện bởi các cơ quan Chính phủ (Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường...) mang lại lợi ích về tiền thuê đất, thuế sử dụng đất cho một nhóm các doanh nghiệp cụ thể nên thỏa mãn các tiêu chí bị coi là trợ cấp.

(5) Nhóm các chương trình tài trợ: gồm các chương trình xúc tiến xuất khẩu, các chương trình hỗ trợ đầu tư (*hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ tín dụng,...*)

Các chương trình trên được thực hiện bởi các cơ quan Chính phủ (Bộ Công Thương, Ngân hàng nhà nước...) mang lại lợi ích về tài chính cho một nhóm các doanh nghiệp cụ thể nên thỏa mãn các tiêu chí bị coi là trợ cấp.

(6) Nhóm các chương trình cung cấp hàng hóa thấp hơn giá thông thường: gồm các chương trình cung cấp nguyên liệu đầu vào, điện, nước, phí xử lý chất thải/nước thải, phí dịch vụ viễn thông... thấp hơn giá trị thông thường.

Các chương trình trên được thực hiện bởi các cơ quan Chính phủ hoặc các doanh nghiệp nhà nước mang lại lợi ích về tài chính cho một nhóm các doanh nghiệp cụ thể nên thỏa mãn các tiêu chí bị coi là trợ cấp.

(7) Nhóm các chương trình ưu đãi đối với ngành: đối với mỗi vụ việc liên quan đến các sản phẩm/ngành sản xuất khác nhau, Nguyên đơn cũng cáo buộc các chương trình ưu đãi đối với ngành, thông qua *Chiến lược phát triển ngành, Quy hoạch phát triển ngành*... Theo đó, một loạt các chương trình liên quan đến Chiến lược/Quy hoạch phát triển ngành cũng bị cáo buộc và điều tra. Ví dụ: cho vay ưu đãi, ưu đãi thuế/đất, trợ cấp phí bảo hiểm nông nghiệp, cấp vốn cho nghiên cứu, phát triển và nuôi trồng giống mới, đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số...

Các chương trình trên được thực hiện bởi các cơ quan Chính phủ hoặc các doanh nghiệp nhà nước mang lại lợi ích về tài chính cho một ngành sản xuất cụ thể nên thỏa mãn các tiêu chí bị coi là trợ cấp.

(8) Nhóm các chương trình cáo buộc mới:

Đây là những chương trình mới, chưa từng có tiền lệ, được Hoa Kỳ bổ sung trong thời gian gần đây, bao gồm: *Định giá thấp tiền tệ* và *Trợ cấp xuyên quốc gia*. Việt Nam đã bị điều tra chương trình Định giá thấp tiền tệ trong vụ việc lốp xe năm 2020, chương trình Trợ cấp xuyên quốc gia trong vụ việc pin năng lượng mặt trời vào tháng 5 năm 2024.

Việc điều tra đối với các chương trình này mới chỉ được tiến hành trong một vài vụ việc gần đây nên kết luận của Cơ quan điều tra nước ngoài đối với các chương trình này cần thêm thời gian để kiểm chứng và đánh giá.

3.3. Các chương trình thường được kết luận không phải là trợ cấp

Mặc dù đa số các chương trình thường bị Cơ quan điều tra nước ngoài kết luận là trợ cấp, tuy nhiên một số chương trình không bị kết luận là trợ cấp do không thỏa mãn một trong 03 yếu tố xác định trợ cấp nêu trên. Cụ thể:

(1) Các chương trình hỗ trợ sau Covid (ví dụ, Giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động bị ảnh hưởng bởi Covid-19 theo Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2021, Giảm phí Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh tật cho người lao động gặp khó khăn do Covid-19): không mang tính riêng biệt do áp dụng chung cho tất cả các ngành nghề, địa bàn trên cả nước.

(2) Khấu hao nhanh và tăng chi phí được khấu trừ: không mang tính riêng biệt do áp dụng chung cho tất cả các ngành nghề, địa bàn trên cả nước. Tuy nhiên, hiện nay kết luận của Cơ quan điều tra nước ngoài chưa đảm bảo tính chắc chắn vì trong một số vụ việc khác, họ lại thay đổi thông lệ và cho rằng đây là trợ cấp.

3.4. Các chương trình thường được kết luận không được sử dụng hoặc không đem lại lợi ích cho doanh nghiệp

(1) Một số chương trình chưa được triển khai hoặc doanh nghiệp không nhận được lợi ích/không tham gia chương trình: đây là một số chương trình thuộc Chiến lược/Quy hoạch phát triển ngành tuy nhiên chưa được triển khai trên thực tế, hoặc chưa có doanh nghiệp nào tham gia/nhận được lợi ích từ chương trình.

Ví dụ: Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; Dự án Phát triển Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong ngành thủy sản; Dự án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành thủy sản; Dự án bảo vệ môi trường thủy sản; Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy sản...

(2) Chương trình Chính phủ cung cấp đầu vào (điện, nước, phí xử lý chất thải/nước thải, dịch vụ viễn thông) thấp hơn giá thông thường: Mặc dù chính sách của Việt Nam áp dụng giá điện, nước thống nhất trên cả nước, vì vậy không mang tính riêng biệt, nhưng Cơ quan điều tra nước ngoài không xếp loại chương trình này vào nhóm không phải là trợ cấp – mà vào nhóm các chương trình không được sử dụng/không đem lại lợi ích. Đối với phí xử lý nước thải/chất thải, do các bên cung cấp dịch vụ thường là các công ty tư nhân nên chương trình cũng được xác định không mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

4. Một số phân tích, đánh giá

Có thể thấy số lượng và mức độ phức tạp của các vụ điều tra CTC đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam ngày càng gia tăng. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam (như bị áp thuế cao, nguy cơ giảm cạnh tranh, bị mất thị trường xuất khẩu...) mà còn đặt ra nhiều gánh nặng cho cơ quan Chính phủ Việt Nam để giải trình và tham gia vụ việc (như trả lời các bản câu hỏi điều tra dài và phức tạp trong thời gian rất ngắn, tham gia thẩm tra tại chỗ với DOC...), thuê luật sư hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xử lý vụ việc.

Ngoài ra, việc cung cấp thông tin về các chương trình, chính sách khác nhau của Việt Nam theo yêu cầu của Cơ quan điều tra nước ngoài cũng khiến ta gặp bất lợi do Chính phủ nước ngoài có thể nắm được nhiều thông tin về chính sách, cơ quan/tổ chức, hợp tác cấp quốc gia và các ngành sản xuất của ta... Thông tin này có thể được Nguyên đơn sử dụng làm cơ sở cáo buộc ta trong các vụ việc trong tương lai. Điều này là có cơ sở khi Cơ quan điều tra nước ngoài có xu hướng đưa ra các câu hỏi có phạm vi rất rộng, mang tính chất quét nhằm thu thập thêm thông tin, đôi khi vượt quá sự cần thiết của việc điều tra và khả năng tổng hợp của Chính phủ bị điều tra, trong thời gian hạn chế.

Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ cũng kéo theo các hệ quả phát sinh như gia tăng các vụ việc điều tra CTC đối với Việt Nam, dẫn tới doanh nghiệp Việt Nam bị áp thuế CTC, khiến làm giảm/mất đi tác dụng của chính sách/biện pháp hỗ trợ.

Tình hình trên đặt ra yêu cầu đối với Chính phủ về việc rà soát, sửa đổi các quy định, chính sách của Việt Nam nhằm hạn chế/giảm thiểu số lượng các cáo buộc, số vụ việc CTC của nước ngoài đối với Việt Nam. Mặc dù vậy, đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước trong khu vực, các chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tháo gỡ khó khăn cho ngành sản xuất, hoặc một/ nhóm địa bàn cụ thể... là công cụ chính sách thường sử dụng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng nhu cầu/đề nghị của cộng đồng doanh nghiệp... Do đó, các chính sách hỗ trợ là cần thiết để thúc đẩy nền kinh tế, tuy nhiên **cần thận trọng để tránh bị ảnh hưởng bất lợi từ các vụ điều tra CTC**. Vì vậy, việc rà soát, điều chỉnh chính sách cần thực hiện hợp lý để một mặt, đảm bảo các mục tiêu về hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, khuyến khích các ngành/lĩnh vực sản xuất..., mặt khác hạn chế các cáo buộc về trợ cấp của các ngành sản xuất nước ngoài.

Để thực hiện điều đó, trong quá trình xử lý các vụ việc điều tra CTC của nước ngoài đối với Việt Nam, Bộ Công Thương nhận thấy có thể cân nhắc triển khai theo một số hướng sau:

4.1. Rà soát bãi bỏ các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không triển khai

Trong nhiều vụ việc điều tra CTC, Nguyên đơn thường dẫn chiếu đến các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không còn triển khai của ta, dẫn tới việc các cơ quan Chính phủ của ta liên tục phải giải trình về chương trình mặc dù doanh nghiệp bị đm không nhận được. Một số ví dụ có thể kể đến như:

- Quyết định 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 01 năm 2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh. Quyết định này áp dụng cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bằng đồng Việt Nam được ký kết và giải ngân trong năm 2009 của các tổ chức, cá nhân để làm vốn lưu động sản xuất - kinh doanh nhằm tháo gỡ khó khăn trong điều kiện nền kinh tế bị tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới.

- Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh. Quy định này áp dụng cho các khoản vay trung, dài hạn ngân hàng bằng đồng Việt Nam để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh, kết cấu hạ tầng với thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Như vậy cho đến nay, 02 chương trình hỗ trợ trên đều không còn được triển khai nhưng chưa được thông báo bãi bỏ chính thức.

- Quyết định 189/2000/QĐ-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành bản quy định về tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển áp dụng

đối với các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Quyết định này đã hết hiệu lực do Luật Đầu tư nước ngoài số 52-L/CTN ngày 12 tháng 11 năm 1996 đã hết hiệu lực. Tuy nhiên, trên một số trang web, văn bản này vẫn thể hiện đang còn hiệu lực.

Do đó, để tránh thêm các cáo buộc trong tương lai, các Bộ ngành liên quan nên rà soát các văn bản đã hết hiệu lực hoặc không còn được triển khai để ra thông báo/văn bản bãi bỏ chính thức.

4.2. Rà soát, chỉnh sửa một số văn bản hiện hành

Trong các vụ điều tra CTC đối với Việt Nam, nguyên đơn thường viện dẫn tới các Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành 05 năm, 10 năm với tầm nhìn 20 năm... và một số Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định liên quan để cáo buộc các chương trình trợ cấp cho ngành sản xuất.

Ví dụ, Vụ Túi nhựa PE năm 2009 dẫn chiếu Chiến lược (2001-2010) và Quy hoạch (2006-2010) phát triển ngành nhựa Việt Nam;

- Vụ Ống thép hàn các-bon năm 2011, dẫn chiếu Quy hoạch phát triển ngành thép Việt Nam giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025;

- Vụ Tôm năm 2023 dẫn chiếu Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 và Chương trình Phát triển ngành thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.

- Vụ Pin năng lượng mặt trời năm 2024 dẫn chiếu Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam; Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

Mặc dù các cơ quan Chính phủ ta giải thích rằng “chiến lược” hay “quy hoạch” cấp quốc gia và cấp địa phương không phải là văn bản quy phạm pháp luật, không mang tính ràng buộc về mặt pháp lý, chỉ mang tính định hướng nhưng nguyên đơn cáo buộc rằng, thông qua các Chiến lược hay Quy hoạch ngành, Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện các chương trình ưu đãi cho doanh nghiệp trong ngành. Bên cạnh đó, nguyên đơn cũng cáo buộc, thông qua các Chiến lược hay Quy hoạch ngành, Chính phủ can thiệp, chỉ đạo hoạt động sản xuất (sản phẩm, công suất, sản lượng sản xuất...) của doanh nghiệp trong ngành. Đây cũng là căn cứ để nguyên đơn cáo buộc vấn đề “tình hình thị trường đặc biệt” trong các vụ điều tra (BCP (ví dụ, vụ việc của Úc, Canada...)).

Ngoài ra, từ kinh nghiệm xử lý các vụ việc điều tra CTC, có thể thấy một số chương trình thuộc Chiến lược hay Quy hoạch ngành chưa được triển khai trên thực tế, hoặc doanh nghiệp không tham gia hoặc không nhận được lợi ích về chương trình. Điều này dẫn tới việc mặc dù tồn tại chương trình (khiến ta bị nước ngoài cáo buộc trợ cấp), nhưng hiệu quả mang lại cho doanh nghiệp không cao.

Vi vậy, trong quá trình ban hành các kế hoạch, quy hoạch ngành, ta cần thận trọng và lưu ý tới rủi ro các văn bản đó có thể trở thành nguồn chứng cứ khởi kiện.

CBPG, CTC trong tương lai, gây bất lợi cho doanh nghiệp, cho ngành nếu bị điều tra, áp thuế. Ngoài ra, để tránh những cáo buộc bất lợi, trong quá trình xây dựng các văn bản mới, cần cân nhắc sự cần thiết, tránh dùng các thuật ngữ mang tính “chỉ đạo”, “giao” mà thay bằng các thuật ngữ đỡ nhạy cảm hơn như “định hướng”, “dự báo”... một cách phù hợp; tránh liệt kê dàn trải các chính sách ưu đãi trong quy định mà nên tập trung vào các giải pháp thực sự cần thiết.

4.3. Cải thiện việc thực thi một số chính sách hiện hành

Trong quá trình điều tra CTC, để kết luận một chương trình là trợ cấp, Cơ quan điều tra nước ngoài sẽ xem xét cả yếu tố pháp lý/chính sách (de jure) và thực thi (de facto). Trong một số chương trình, mặc dù chính sách không phải là trợ cấp nhưng quá trình thực thi cho thấy sự không hiệu quả dẫn tới chương trình mang tính trợ cấp. Một số ví dụ có thể kể đến như:

(1) Đối với chương trình miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, Hoa Kỳ và một số quốc gia thường kết luận Việt Nam chưa có một hệ thống hải quan kiểm soát chặt chẽ lượng và nguyên liệu đầu vào dùng để sản xuất hàng xuất khẩu, mặc dù ta đã giải thích cụ thể về quy trình, thủ tục kiểm soát của hải quan.

Ngoài ra, họ cũng cho rằng chính sách của ta quy định nếu doanh nghiệp bán lại lượng phế liệu ra thị trường nội địa, thì doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu cho phần phế liệu trong định mức. Điều này dẫn tới doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu cho phần nguyên liệu nhiều hơn phần sản xuất thực tế. Từ đó, Cơ quan điều tra nước ngoài cho rằng đây là chương trình trợ cấp do đem lại thêm lợi ích cho doanh nghiệp. Kết luận này vẫn được áp dụng cho cả các doanh nghiệp chỉ xuất (là khu phi thuế quan – không thuộc đối tượng chịu thuế nhập khẩu). Hiện nay, Bộ Công Thương đang gửi các lập luận phản đối kết luận này đối với doanh nghiệp chế xuất.

Do đó, để tránh bị kết luận chương trình này là trợ cấp trong các vụ việc trong tương lai, Bộ Tài chính cần rà soát, điều chỉnh cả về mặt chính sách và thực thi để đáp ứng yêu cầu của Cơ quan điều tra nước ngoài. Để làm được điều đó, ta có thể cân nhắc trao đổi với các cơ quan hải quan nước ngoài, hải quan nước điều tra (ví dụ như Hoa Kỳ, Úc, Canada, EU...) trong các khuôn khổ hợp tác về hải quan, để chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi thông lệ/quy định để tránh bị coi là trợ cấp đối với chương trình này.

(2) Đối với các chương trình mà việc tham gia chương trình do doanh nghiệp tự khai báo - ví dụ như chương trình khấu hao nhanh, một trong những yêu cầu của Cơ quan điều tra nước ngoài trong quá trình thẩm tra, xác minh đó là cung cấp số liệu thống kê các doanh nghiệp/các ngành sử dụng chương trình này trên phạm vi toàn quốc. Điều này để giúp Cơ quan điều tra nước ngoài xác định quy định là áp dụng chung cho tất cả các ngành (không mang tính riêng biệt) nhưng việc thực thi có giới hạn cho một số khu vực (mang tính riêng biệt) hay không. Tuy nhiên, các Bộ ngành của ta thường không có số liệu thống kê này sẵn có (muốn tổng hợp phải đề nghị các cơ quan địa phương gửi số liệu báo cáo để tổng hợp), dẫn tới không cung cấp được theo yêu cầu của Cơ quan điều tra trong thời gian yêu cầu.

Vì vậy, để ứng phó với các vụ việc điều tra CTC trong tương lai, các Bộ ngành liên quan cần có cơ sở liệu thống kê, giám sát và quản lý việc thực thi các chương trình, tránh việc một chính sách ban hành mà không có số liệu giám sát về việc thực thi và tính hiệu quả của chương trình đó.

4.4. Khi ban hành các quy định, chính sách mới, tránh thỏa mãn các điều kiện bị coi là trợ cấp

Nhằm hạn chế các cáo buộc và các vụ việc điều tra CTC mới, đối với các chính sách, văn bản mới có thể xây dựng theo hướng **tránh thỏa mãn 03 yếu tố bị xác định là trợ cấp**: (i) có sự đóng góp về tài chính, (ii) được thực hiện bởi Chính phủ hoặc cơ quan/tổ chức do Chính phủ chỉ đạo và (iii) mang tính riêng biệt. Điều này có nghĩa chỉ một tiêu chí không thỏa mãn thì chương trình không bị coi là trợ cấp.

Tiêu chí 1: Sự đóng góp về tài chính

Nếu các chương trình hỗ trợ không gắn với yếu tố tài chính thì không thỏa mãn tiêu chí này. Hiện nay đa số các chính sách hỗ trợ của ta bị cáo buộc chủ yếu tập trung vào các hỗ trợ về tài chính cho doanh nghiệp như miễn/giảm thuế thu nhập, miễn/giảm tiền thuê đất, cho vay ưu đãi... Vì vậy, các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, ngành sản xuất trong tương lai có thể cân nhắc theo hướng bao gồm các hỗ trợ “phi tài chính” như về thủ tục, cung cấp thông tin về ngành, thị trường trong nước/xuất khẩu, tư vấn kỹ thuật (về quy định pháp luật, thủ tục, chiến lược...) các biện pháp thúc đẩy tiêu thụ thị trường trong nước... Các loại hình cụ thể có thể được ta trao đổi, tham khảo ví dụ, kinh nghiệm của các quốc gia khác thường không bị điều tra CTC.

Tiêu chí 2: Thực hiện bởi Chính phủ hoặc cơ quan/tổ chức do Chính phủ chỉ đạo

Các chương trình trợ cấp bị cáo buộc và điều tra đối với Việt Nam hiện nay hầu hết do các cơ quan Nhà nước cấp trung ương và địa phương quản lý, thực hiện, ví dụ: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Phát triển, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Sở ban ngành tỉnh/thành phố... Bên cạnh đó, Cơ quan điều tra nước ngoài cũng cáo buộc các tổ chức doanh nghiệp có vốn sở hữu nhà nước trên 50% cũng là đối tượng thực thi các chính sách trợ cấp. Ví dụ, 04 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank; các doanh nghiệp nhà nước (cho thuê đất hoặc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp bị điều tra...) đều bị coi là cơ quan/tổ chức được Chính phủ chỉ đạo thực hiện các chương trình hỗ trợ. Tuy nhiên, để tránh thỏa mãn tiêu chí này không dễ dàng và khó khả thi hơn các tiêu chí còn lại.

Tuy nhiên, một vài ví dụ trong các vụ việc trước đây cho thấy trong trường hợp đối tượng cung cấp các khoản vay hoặc cho thuê đất hoặc cung cấp nguyên liệu đầu vào... cho các doanh nghiệp bị điều tra là các công ty tư nhân - không hoặc có vốn sở hữu Nhà nước dưới 50% thì thường doanh nghiệp không bị áp thuế CTC đối với các chương trình này.

(3) Tính riêng biệt

Căn cứ một số chương trình của Việt Nam không bị kết luận là trợ cấp (nêu tại Mục 2.2 ở trên), một chương trình sẽ không bị coi là trợ cấp nếu không đáp ứng tiêu chí “tính riêng biệt”. Điều này có nghĩa chương trình sẽ áp dụng chung cho tất cả các ngành, doanh nghiệp, địa bàn trên cả nước, không phân biệt ngành nghề, doanh nghiệp hay địa bàn cụ thể mà dựa trên *các tiêu chí hoặc điều kiện khách quan, trung lập* - ví dụ: quy mô doanh nghiệp, số lượng nhân viên trong doanh nghiệp, các doanh nghiệp gặp khó khăn do Covid-19, các doanh nghiệp gặp khó khăn do thiên tai/bệnh dịch...

Hiện nay, các chính sách hỗ trợ, ví dụ về thuế thu nhập doanh nghiệp và cho thuê đất, của ta thường tập trung ở 02 điều kiện hưởng ưu đãi: (i) thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn và (ii) danh mục lĩnh vực được ưu tiên (đang được áp dụng theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư). Đây là hai tiêu chí cơ bản để xác định chương trình có mang tính riêng biệt.

Mặc dù vậy, các chính sách hỗ trợ thông thường nhắm tới một/một nhóm ngành, địa bàn cụ thể để đảm bảo khuyến khích hoặc tháo gỡ khó khăn cho nhóm đối tượng ưu tiên, đảm bảo có trọng tâm và không dàn trải. Vì vậy, đối với các chương trình, chính sách hỗ trợ mới, trong trường hợp khả thi, có thể cân nhắc xây dựng trên cơ sở các tiêu chí khách quan, trung lập như đã nêu trên và cần nêu rõ tiêu chí đó trong quy định điều chỉnh.

5. Kiến nghị

Trên cơ sở các nội dung trên, Bộ Công Thương kính kiến nghị Thủ tướng Chính phủ:

1. Giao các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình:

(i) Rà soát kỹ các văn bản pháp luật, do Bộ ban hành hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành, bao gồm các quy định/văn bản trong Phụ lục đính kèm, bãi bỏ các quy định/chính sách đã hết hiệu lực hoặc không còn được triển khai, có văn bản/Thông báo công khai.

(ii) Xây dựng các báo cáo đánh giá tính hiệu quả của chính sách định kỳ 05 năm trong quá trình thực thi, bao gồm các quy định/chính sách trong Phụ lục đính kèm để xác định xem chính sách hỗ trợ còn cần thiết không, có tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ không. Nếu xét thấy chương trình không triển khai được hoặc triển khai không hiệu quả thì chủ động hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

(iii) Rà soát kỹ các văn bản pháp luật, do Bộ ban hành hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền ban hành, có thể bị cáo buộc là trợ cấp để xây dựng phương án giải trình

phù hợp khi bị điều tra PVTM.

(iv) Nâng cao việc thực thi, giám sát hải quan đối với các chương trình như Miễn thuế nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu để hệ thống giám sát của Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của Cơ quan điều tra nước ngoài. Đồng thời, chỉnh sửa hoặc bổ sung quy định nhằm tăng sự chặt chẽ trong giám sát, quản lý việc sử dụng nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và mua bán phế liệu của doanh nghiệp, tránh việc miễn thuế nhiều hơn mức thực tế được sử dụng.

(v) Khi xây dựng các chính sách, quy định mới, cần xem xét, cân nhắc các hướng đề xuất của Bộ Công Thương để tránh hoặc hạn chế cáo buộc về trợ cấp; đồng thời cân nhắc lợi ích của chính sách với các rủi ro liên quan (như ngành sản xuất bị điều tra, áp thuế CTC; gánh nặng cho các cơ quan Chính phủ phải giải trình, theo đuổi các vụ điều tra CTC ngày càng nhiều, kinh phí thuê luật sư tư vấn cho Chính phủ để xử lý vụ việc...).

(vi) Trong quá trình thực thi các chính sách, quy định hoặc chương trình, gồm các quy định/chính sách trong Phụ lục đính kèm, cần giám sát, quản lý việc thực thi, xây dựng các số liệu thống kê, báo cáo trên phạm vi cả nước để phục vụ mục đích quản lý nói chung và các vụ việc điều tra CTC nói riêng, nếu phát sinh.

(vii) Trong các cơ chế/khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương với các cơ quan liên quan các nước khác, trao đổi và tham khảo các quy định, kinh nghiệm của các nước về xây dựng, quản lý và thực thi chương trình để hạn chế/tránh bị cáo buộc là trợ cấp.

2. Giao các Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

(i) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan rà soát các quy định pháp luật hiện hành (do trung ương ban hành), bao gồm các quy định/chính sách trong Phụ lục đính kèm, có thể bị cáo buộc là trợ cấp mà không triển khai được hoặc triển khai không hiệu quả trên thực tế để đề xuất các Bộ, ngành chủ quản xem xét, bãi bỏ;

(ii) Chủ động rà soát các chính sách hỗ trợ đặc thù của địa phương có thể bị cáo buộc là trợ cấp mà không triển khai được hoặc triển khai không hiệu quả trên thực tế để đề xuất Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, bãi bỏ.

(iii) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan giám sát, quản lý chặt chẽ việc thực thi các chính sách, chương trình; xây dựng các số liệu thống kê, báo cáo trên phạm vi địa bàn tỉnh/thành phố để phục vụ mục đích quản lý nói chung và các vụ việc điều tra CTC nói riêng, nếu phát sinh.

(iv) Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nâng cao việc thực thi giám sát hải quan đối với các chương trình như Miễn thuế nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu để hệ thống giám sát của Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của Cơ quan điều tra nước ngoài.

3. Giao các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố liên quan phối hợp chặt chẽ, hợp tác cung cấp thông tin đầy đủ, đúng hạn theo đề nghị của Bộ Công

Thương trong các vụ việc điều tra PVTM của nước ngoài với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

4. Giao Bộ Công Thương:

(i) Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan theo dõi diễn biến và xử lý các vụ việc điều tra CTC đang diễn ra;

(ii) Tư vấn, góp ý đối với các chính sách mới ban hành của các Bộ, ngành liên quan, đánh giá khả năng hoặc rủi ro bị cáo buộc là trợ cấp theo quy định của WTO và nước nhập khẩu;

(ii) Tăng cường tổ chức và phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tuyên truyền, phổ biến, cập nhật cho các hiệp hội, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam về nguy cơ, rủi ro bị điều tra CTC; các quy định, thủ tục điều tra CTC của nước ngoài nhằm có sự chuẩn bị, điều chỉnh và ứng phó phù hợp.

Bộ Công Thương xin kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng (dề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TP, TC, NN, LĐ-TB&XH, KH&CN, TN&MT, NHNN, NHPT;
- Phái đoàn Việt Nam tại Giơ-ne-vơ
- Thủ tướng Nguyễn Sinh Nhật Tân;
- Thủ tướng Nguyễn Hoàng Long;
- Thủ tướng Phan Thị Thắng;
- Các Cục: XTTM, ĐTDL, ĐL, CN, XNK, CTDP;
- Các Vụ: PC, AM, AP, ĐB;
- Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ;
- Lưu: VT, PVTM (2).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC

Các chương trình, chính sách thường bị điều tra CTC của Việt Nam

(Kèm theo Công văn số 6192/BCT-PVTM ngày 20 tháng 8 năm 2024)

STT	Chương trình	Căn cứ pháp lý cho cáo buộc	Kết luận của cơ quan điều tra nước ngoài
I	Nhóm các chương trình cho vay và đảm bảo		
1	Cho vay chính sách từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Ngân hàng Chính sách khác	Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Là trợ cấp
2	Chương trình hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho cá nhân, tổ chức vay vốn ngân hàng để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.- Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 04 năm 2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh- Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Là trợ cấp

3	Tín dụng xuất khẩu từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 108/2006/QĐ/TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Nghị định 75/2011/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và xuất khẩu của Nhà nước - Nghị định 32/2017/NĐ-CP về tín dụng đầu tư của Nhà nước 	Là trợ cấp
4	Tín dụng đầu tư từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Như trên	Là trợ cấp
5	Chương trình bao thanh toán xuất khẩu của các ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước (SOCBs)	Thông tư số 02/2017/TT-NHNN ngày 17 tháng 5 năm 2017, Chính phủ chỉ đạo các ngân hàng thương mại nhà nước hoặc ngân hàng thương mại cổ phần cung cấp tài trợ xuất khẩu bằng cách cho vay thế chấp các khoản phải thu thương mại, còn gọi là bao thanh toán xuất khẩu.	Là trợ cấp
6	Bảo lãnh hoạt động xuất khẩu của SOCBs	Thông tư số 28/2012/TT NHNN ngày 3 tháng 10 năm 2012 quy định về bảo lãnh ngân hàng. Hoa Kỳ cáo buộc SOCBs có thể thực hiện các hoạt động bảo đảm xuất khẩu nếu đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư 28.	Là trợ cấp
7	Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp xuất khẩu của SOCBs	Thông tin từ các vụ việc điều tra CTC trước đây với Việt Nam	Là trợ cấp
8	Chương trình hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ của Ngân hàng Agribank	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 109/2018/NĐ-CP điều chỉnh và khuyến khích nông nghiệp hữu cơ, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản - Báo cáo thường niên năm 2022 của Agribank. Agribank có trách nhiệm theo Quyết định số	Chưa có kết luận

		1658/QĐ-TTg năm 2021 đề khuyến khích đầu tư xanh và khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp Việt Nam, bao gồm cả sản xuất nuôi trồng thủy sản.	
9	Chương trình ưu đãi tín dụng xanh từ SOCBs	Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050	Chưa có kết luận
II	Nhóm các chương trình ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp		
10	Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong các khu vực đặc biệt (khu công nghiệp, khu kinh tế...)	- Đối tượng ưu đãi theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 và Nghị định 31/2021/NĐ-CP; - Ưu đãi thuế theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP và Nghị định 218/2013/NĐ-CP	Là trợ cấp
11	Ưu đãi thuế thu nhập cho doanh nghiệp xuất khẩu	Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11	Là trợ cấp
12	Ưu đãi thuế cho dự án đầu tư cũ	Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003	Là trợ cấp
13	Ưu đãi thuế cho dự án đầu tư mới	Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2014	Là trợ cấp
14	Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 24/2007/NĐ-CP	Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11	Là trợ cấp
15	Ưu đãi thuế thu nhập cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007, quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996	Là trợ cấp

16	Khấu hao nhanh và tăng chi phí được khấu trừ	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 cho phép khấu hao nhanh tài sản cố định hoặc tăng chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế. - Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015	Kết luận chưa thống nhất*
17	Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 51/1999/NĐ-CP đối với doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư chuyên sâu (Điều 23)	Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 quy định chi tiết thi hành Luật số 03/1998/QH10 về khuyến khích đầu tư trong nước	Là trợ cấp
18	Ưu đãi, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (Điều 20 và Điều 21) Nghị định 51/1999/NĐ-CP	Như trên	Là trợ cấp
19	Chương trình ưu đãi – miễn thuế thu nhập đối với các dự án năng lượng mặt trời	Quyết định 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam	Chưa có kết luận
III	Nhóm các chương trình miễn các khoản phải thu		
20	Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng nạo khẩu dùng để sản xuất hàng xuất khẩu	- Miễn thuế nhập khẩu theo Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn Luật thuế xuất nhập khẩu 107/2016/QH13 và Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định 134/2016/NĐ-CP - Giám sát hải quan với phế liệu theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 quy định về thủ tục hải quan, giám sát, kiểm tra hải quan.	Là trợ cấp (do hệ thống giám sát chưa hiệu quả)

		thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi Thông tư 38	
21	Hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu thô dùng để sản xuất hàng xuất khẩu	Như trên	Là trợ cấp (do hệ thống giám sát chưa hiệu quả)
22	Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu vào Khu công nghiệp	- Luật số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 về Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 quy định chi tiết một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu - Luật số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Là trợ cấp (do hệ thống giám sát chưa hiệu quả)
23	Miễn thuế nhập khẩu đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007, quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996	Là trợ cấp (do hệ thống giám sát chưa hiệu quả)
24	Miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu đối với doanh nghiệp chế xuất và Khu chế xuất	Luật số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định 87/2010/NĐ-CP và Nghị định 134/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Kết luận chưa thống nhất*
25	Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị và máy móc	Luật số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 về Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 quy định	Là trợ cấp

		<p>chi tiết một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu</p> <p>- Luật số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021.</p>	
26	Miễn phí thủy lợi	<p>- Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh số 32/2001/PL.-UBTVQH10 về Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008, được thay thế bằng Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2012.</p> <p>- Luật Thủy lợi số 8/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và Nghị định 96/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tài chính sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi</p>	Là trợ cấp
IV	Nhóm các chương trình ưu đãi về đất		
27	Miễn thuế hoặc phí sử dụng đất, mặt nước và các khoản thu khác đối với các ngành được khuyến khích	Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006	Là trợ cấp
28	Miễn hoặc giảm tiền thuê đất đối với các ngành được khuyến khích	Như trên	Là trợ cấp

29	Miễn tiền thuê đất đối với các doanh nghiệp nằm trong các khu vực đặc biệt (khu công nghiệp, khu kinh tế...)	Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 5 năm 2022 về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tại Việt Nam quy định hỗ trợ tiền thuê đất cho doanh nghiệp hoạt động tại địa bàn đủ điều kiện bao gồm cả khu công nghiệp	Là trợ cấp
30	Miễn hoặc giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	- Quyết định 189/2000/QĐ-BTC về tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển áp dụng đối với các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007, quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996	Là trợ cấp
31	Miễn hoặc giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp xuất khẩu	Quyết định 189/2000/QĐ-BTC về tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển áp dụng đối với các hình thức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Là trợ cấp
V	Nhóm các chương trình tài trợ		
32	Chương trình Xúc tiến xuất khẩu	Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia	Là trợ cấp
33	Chương trình hỗ trợ đầu tư	Luật số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Điều 18 của Luật liệt kê các hình thức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ	Là trợ cấp
VI	Nhóm các chương trình cung cấp hàng hóa thấp hơn giá thông thường		
34	Cung cấp tiện ích với mức giá giảm tại các khu công nghiệp và chế biến xuất khẩu	Thông tin từ các vụ việc trước đây; Báo cáo gia nhập WTO của Việt Nam	Chưa có kết luận

35	Cung cấp tôm giống và giống thấp hơn giá thông thường	<p>Đề án phát triển ngành tôm nước lợ Việt Nam đến năm 2030 tại Quyết định số 3475/QĐ-BNN-TCTS ngày 30 tháng 8 năm 2018.</p> <p>- Chương trình phát triển nghiên cứu và sản xuất giống phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020.</p> <p>- Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản quốc gia giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2022.</p>	Chưa có kết luận
36	Cung cấp thức ăn cho tôm thấp hơn giá thông thường	Sự thành lập Viện Nghiên cứu Nuôi Trồng Thủy Sản 2 trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chưa có kết luận
37	Cung cấp cao su tự nhiên thấp hơn giá thông thường	<p>- Nghị định số 750/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2009 về kế hoạch chi đạo nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để trồng cây cao su và giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện kế hoạch này, với mục tiêu đến năm 2020.</p> <p>- Tập đoàn Cao su Việt Nam được thành lập vào năm 2006, một trong nhiều nhóm doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ thành lập có cùng lợi ích kinh doanh.</p>	Chưa có kết luận do doanh nghiệp không nhận được
VII	Nhóm các chương trình ưu đãi đối với ngành		
38	Chương trình Trợ cấp phí bảo hiểm	Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 về việc thí điểm triển khai bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013; Nghị định số	Chưa có kết luận do doanh nghiệp không nhận được

		58/2018/ND-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018, về Bảo hiểm Nông nghiệp	
39	Chương trình Tài trợ nghiên cứu, phát triển và nuôi giống mới	Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc nâng cao năng lực nghiên cứu và sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền nông nghiệp Việt Nam và thích ứng với biến đổi khí hậu	Là trợ cấp
40	Quỹ Bảo vệ và Phát triển Tài nguyên Thủy sản	Nghị định số 26/2019/ND-CP ngày 08 tháng 03 năm 2019 quy định chi tiết thi hành Luật Thủy sản.	Chưa có kết luận do Quỹ chưa được triển khai
41	Các chương trình trong Chiến lược ngành thủy sản giai đoạn 2030 – 2045	Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bộ NN&PTNT sẽ xây dựng đề xuất, dự án cho Đề án trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Tuy nhiên, chưa có dự án, đề xuất nào được lập hoặc xem xét.	Chưa có kết luận do chưa được triển khai
VIII	Nhóm các chương trình mới		
42	Giảm tiền thuê đất cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi Covid-19	Quyết định 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023 quy định về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi Covid-19	Không phải là trợ cấp do không mang tính riêng biệt
43	Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi Covid-19	Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2021 về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp	Không phải là trợ cấp do không mang tính riêng biệt

44	Giảm bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp		Không phải là trợ cấp do không mang tính riêng biệt
45	Định giá thấp tiền tệ	Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam vào “Danh sách giám sát” về tình trạng phá giá tiền tệ.	Là trợ cấp
46	<i>Chương trình trợ cấp xuyên quốc gia</i> 1. Cho vay chính sách từ các ngân hàng Trung Quốc theo Dự án hợp tác “sáng kiến vành đai – con đường” (BRI)	Dự án hợp tác “sáng kiến vành đai – con đường” (BRI) kèm theo một loạt các văn kiện bao gồm các MOU và Tuyên bố chung giữa 02 Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc	Chưa có kết luận
	2. Cung cấp Polysilicon xuất xứ Trung Quốc thấp hơn mức giá thông thường	Tình trạng gia tăng công suất sản xuất Polysilicon của Trung Quốc	Chưa có kết luận

* Kết luận chưa thống nhất, do trong một số vụ việc cơ quan điều tra cho rằng đây là trợ cấp nhưng trong một số vụ việc khác, cho rằng đây không phải là trợ cấp, do đó cần theo dõi và đưa ra lập luận thêm